

CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CÁC DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM 2016

Programme on Benchmarking and Ranking the Most Sustainable Companies in Vietnam 2016

BỘ CHỈ SỐ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

LỜI NÓI ĐẦU

Khái niệm "phát triển bền vững" (PTBV) xuất hiện trong phong trào bảo vệ môi trường từ những năm đầu của thập niên 70 của thế kỷ 20. Năm 1987, trong Báo cáo "Tương lai chung của chúng ta" của Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên hợp quốc, "phát triển bền vững" được định nghĩa "là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau".

Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về PTBV tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002 đã xác định "phát triển bền vững" là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên). Tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững là sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

Chương trình nghị sự 2030 về PTBV bao gồm 17 Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) với 169 chỉ tiêu nhằm chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng và bất công, và chống biến đổi khí hậu cho tới năm 2030 đã được thông qua ngày 25/9/2015. Chương trình nghị sự nhấn mạnh vai trò của các doanh nghiệp trong việc thực hiện thành công SDGs, bên cạnh vai trò của chính phủ và các tổ chức quốc tế. Điều này có nghĩa các doanh nghiệp được xem là một trong những yếu tố chủ chốt, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và đầu tư vào đổi mới sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và báo cáo tới các nhà hoạch định chiến lược về cách thức hoạt động của mình đóng góp vào Chương trình nghị sự về PTBV toàn cầu. Để thực hiện tốt điều này đòi hỏi sự phát triển bền vững từ phía doanh nghiệp. PTBV là bộ khung chính để doanh nghiệp xây dựng bộ máy hoạt động của mình, tối ưu quy trình sản xuất kinh doanh, chuỗi cung ứng... để từ đó không chỉ tạo ra các tác động tích cực đối với môi trường, góp phần phát triển cộng đồng mà còn tạo ra những giá trị bền vững cho chính doanh nghiệp đó. Xét về mặt lâu dài, việc đầu tư cho PTBV sẽ là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Trong lộ trình hướng đến mục tiêu PTBV của mỗi quốc gia phải kể đến vai trò quan trọng của các doanh nghiệp, lực lượng góp phần đáng kể tạo ra của cải, vật chất cho xã hội; nhưng cũng chính là tác nhân "để lại" những "dấu chân" ảnh hưởng đến môi trường. Một chiến lược PTBV toàn diện sẽ giúp doanh nghiệp sớm nhận diện rủi ro trong toàn bộ chuỗi cung ứng của mình để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời, nâng cao hiệu suất hoạt động, xây dựng niềm tin đối với khách hàng và với tất cả các bên liên quan, qua đó nâng tầm giá trị doanh nghiệp. Bộ chỉ số Bền vững doanh nghiệp (CSI) được xây dựng như là thước đo giá trị của doanh nghiệp dựa trên các tiêu chí về phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội, như là một công cụ để ghi nhận các mục tiêu, đo lường và quản lý các thay đổi nhằm làm cho hoạt động của doanh nghiệp được bền vững hơn. CSI bao gồm các tiêu chí phù hợp với bối cảnh chính trị, xã hội trong nước cũng như các thông lệ quốc tế. Những tác động tích cực cho nền kinh tế, cho môi trường và cộng đồng của một chiến lược PTBV vì doanh nghiệp hiệu quả là điều rất cần được nhân rộng, chung tay vì một Việt Nam tốt đẹp hơn.

MỤC LỤC

MỘT SỐ THÔNG TIN CẦN LƯU Ý	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
MỤC I: TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP.....	5
PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	5
PHẦN 2: TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	6
TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY	6
MỤC II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI DOANH NGHIỆP	7
PHẦN 1: CÁC TIÊU CHÍ CHUNG	7
PHẦN 2: CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỪNG LĨNH VỰC.....	12
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP	12
A. KINH TẾ.....	12
I. SẢN XUẤT BỀN VỮNG	12
II. TIÊU DÙNG BỀN VỮNG	13
III. ĐẢM BẢO SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG	13
B. MÔI TRƯỜNG	16
I. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	16
II. PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM, KHẮC PHỤC SỰ CỐ, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG	16
III. TIẾT KIỆM TÀI NGUYÊN, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	17
IV. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG, BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC.....	18
V. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN ĐẤT	18
VI. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	19
VII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ, BỤI, TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG.....	19
VIII. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN	20
IX. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN	20
C. XÃ HỘI, LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN CON NGƯỜI	22
I. QUAN HỆ XÃ HỘI.....	22
II. PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ ĐỘC QUYỀN KINH DOANH.....	22
III. SỬ DỤNG LAO ĐỘNG	23
IV. ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG	24
V. NỘI QUY LAO ĐỘNG.....	24
VI. THỜI GIỜ LÀM VIỆC VÀ NGHỈ NGƠI	25
VII. CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG VÀ TRỢ CẤP	26
VIII. CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM	26
IX. AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG	27
X. CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG	28
XI. DÂN CHỦ TẠI NƠI LÀM VIỆC VÀ THOẢI ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ.....	30
DANH SÁCH CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU GỬI KÈM.....	32

MỘT SỐ THÔNG TIN CẦN LƯU Ý

1. Doanh nghiệp tham dự Chương trình đánh giá, xếp hạng các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam 2016 (sau đây gọi là Chương trình) tự hoàn thiện Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững của mình. Các tiêu chí doanh nghiệp không đánh giá sẽ không được chấm điểm. Những tiêu chí bổ sung, những thông tin bổ sung cho tiêu chí có thể được doanh nghiệp khai và đính kèm bên ngoài bộ chỉ số này.
2. Danh sách các thông tin, tài liệu có liên quan được liệt kê tại phần cuối của Bộ chỉ số này, doanh nghiệp vui lòng đánh dấu vào các danh mục mà doanh nghiệp cung cấp.
3. Bộ hồ sơ tham dự đầy đủ bao gồm:
 - Công văn đăng ký tham dự Chương trình của doanh nghiệp;
 - Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững mà doanh nghiệp tự khai;
 - Các thông tin, tài liệu có liên quan dưới dạng bản sao hoặc file dữ liệu được ghi vào đĩa CD, DVD hoặc thẻ nhớ.
4. Các thông tin, tài liệu doanh nghiệp cung cấp cho Ban tổ chức Chương trình được đảm bảo giữ bí mật, chỉ phục vụ quá trình đánh giá, xếp hạng của doanh nghiệp.
5. Hồ sơ tham dự của doanh nghiệp gửi về Ban tổ chức Chương trình **trước ngày 31/7/2016** theo địa chỉ sau:

Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
Tầng 4, tòa nhà VCCI
Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

PTBV:	Phát triển bền vững
PDCA:	Chu trình cải tiến liên tục (Lập kế hoạch – Thực hiện - Kiểm tra – Điều chỉnh)
GRI:	Sáng kiến báo cáo toàn cầu
UN Global Compact:	Mạng lưới Hiệp ước toàn cầu
ROA:	Khả năng sinh lời trên mỗi đồng tài sản
ROE:	Khả năng sinh lời trên mỗi đồng vốn

MỤC I: TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

(Xin lưu ý tất cả các thông tin dưới đây là bắt buộc đặc biệt là số điện thoại và địa chỉ Email.)

Tên Doanh nghiệp:	
Năm thành lập:	
Loại hình doanh nghiệp (TNHH, Cổ phần, FDI...)	
Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:	
Mã ngành (VSIC):	
Mã số thuế	
Tổng giám đốc/Giám đốc	
Người liên hệ:	
Chức vụ:	
Phòng/ban:	
Tel:	
Fax:	
Email:	
Website Doanh nghiệp:	

Tổng số lao động:người, trong đó:

- Lao động nữ:người
- Lao động là người khuyết tật:người
- Lao động chưa thành niên: người

PHẦN 2: TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

Chi số \ Năm	2014	2015	2016 (Dự kiến)
Tổng vốn			
Doanh thu			
Lợi nhuận trước thuế			
Xuất khẩu (nếu có)			
Nhập khẩu (nếu có)			
Đóng góp ngân sách			
Bình quân thu nhập			

(Lưu ý: các doanh nghiệp cung cấp báo cáo tài chính có xác nhận của kiểm toán 2 năm gần nhất)

MỤC II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI DOANH NGHIỆP

PHẦN 1: CÁC TIÊU CHÍ CHUNG

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Có/Đang thực hiện	Có kế hoạch/Đang phát triển	Không có/Không thực hiện	Ghi chú
1	Lập Báo cáo bền vững hàng năm tại doanh nghiệp	☐	☐	☐	Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm và trả lời tiếp câu 1.1 – 1.3
1.1	Nếu có vui lòng cho biết Báo cáo bền vững được lập theo hướng dẫn của tổ chức nào	☐ GRI (Global Reporting Initiative)	☐ UN Global Compact	☐ Khác	Nếu trả lời Khác đề nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm
1.2	Nếu có Báo cáo Bền vững của doanh nghiệp được kiểm tra bởi tổ chức nào	☐ GRI (Global Reporting Initiative)	☐ PwC	☐ Khác	Nếu trả lời Khác đề nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm
1.3	Nếu có Báo cáo bền vững có được doanh nghiệp công bố, phổ biến rộng rãi không	☐		☐	
2	Chiến lược phát triển doanh nghiệp				
2.1	Doanh nghiệp có chiến lược phát triển	☐	☐	☐	Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm và trả lời tiếp câu 2.2-2.3
2.2	Chiến lược của doanh nghiệp kết hợp với các cam kết về chính sách môi trường và xã hội	☐		☐	
2.3	Thực hiện chính sách về môi trường và xã hội vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm việc quản lý chuỗi cung ứng	☐	☐	☐	

3. Mức độ quan trọng của các vấn đề xã hội và môi trường đối với doanh nghiệp

3.1 Đánh giá mức độ quan trọng các vấn đề môi trường đối với doanh nghiệp

(Đánh số từ thấp đến cao, trong đó số 1 là mức độ quan trọng nhất)

☐ Tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường

- ☐ Giảm nhẹ nguy cơ và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu
- ☐ Sử dụng tiết kiệm tài nguyên đất, nước, khoáng sản
- ☐ Sử dụng năng lượng tái tạo, tái chế, tái sử dụng chất thải
- ☐ Đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn, giảm thiểu phát thải
- ☐ Quản lý chất thải và cải thiện môi trường trong và ngoài doanh nghiệp
- ☐ Quan trắc, kiểm soát, giám sát chất lượng môi trường
- ☐ Bảo vệ đa dạng sinh học
- ☐ Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường
- ☐ Tăng mức chi ngân sách hàng năm cho bảo vệ môi trường
- ☐ Tham gia Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Nhãn xanh Việt Nam
- ☐ Vấn đề khác (để nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm)

3.2 Đánh giá mức độ quan trọng các vấn đề xã hội đối với doanh nghiệp
(Đánh số từ thấp đến cao, trong đó số 1 là mức độ quan trọng nhất)

- ☐ Không đảm bảo sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc
- ☐ Tham nhũng và hối lộ
- ☐ Thất nghiệp
- ☐ Xung đột lao động
- ☐ Không tạo cơ hội việc làm cho người khuyết tật
- ☐ Bất bình đẳng xã hội
- ☐ Không tuân thủ quyền con người
- ☐ Nghèo đói
- ☐ Lợi nhuận thấp đối với nhà cung ứng, khách hàng và cổ đông
- ☐ Vấn đề khác (để nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm)

4. Động lực thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện chính sách về môi trường và xã hội

4.1 Động lực thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện chính sách môi trường
(Có thể chọn nhiều câu trả lời)

- ☐ Đáp ứng yêu cầu của pháp luật hiện hành
- ☐ Ổn định và phát triển bền vững doanh nghiệp và hội nhập quốc tế
- ☐ Giảm chi phí cho sản xuất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, hạ giá thành sản phẩm
- ☐ Phòng ngừa và giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường
- ☐ Cải thiện chất lượng môi trường sống của cộng đồng
- ☐ Thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh
- ☐ Yêu cầu của thị trường
- ☐ Tăng lợi nhuận
- ☐ Nâng cao danh tiếng/hình ảnh
- ☐ Áp lực từ các bên liên quan
- ☐ Sợ bị phạt
- ☐ Lý do khác (để nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm)

4.2 Động lực thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện chính sách xã hội
(Có thể chọn nhiều câu trả lời)

- ☐ Đáp ứng yêu cầu của pháp luật
- ☐ Cam kết của lãnh đạo doanh nghiệp
- ☐ Yêu cầu của thị trường
- ☐ Tăng lợi nhuận
- ☐ Nâng cao danh tiếng/hình ảnh
- ☐ Áp lực từ các bên liên quan
- ☐ Sợ bị phạt
- ☐ Lý do khác (đề nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm)

5. Những lợi ích của phát triển bền vững đối với doanh nghiệp
(Có thể chọn nhiều câu trả lời)

- ☐ Tiếp cận các thị trường mới
- ☐ Giảm thiểu tiền phạt
- ☐ Giảm thiểu rủi ro
- ☐ Tăng năng suất lao động
- ☐ Tăng doanh thu
- ☐ Sử dụng năng lượng và nguyên liệu hiệu quả hơn
- ☐ Giảm chi phí/không bị tính phí quản lý chất thải, khí thải
- ☐ Nâng cao danh tiếng/hình ảnh
- ☐ Cải thiện quan hệ với chính quyền
- ☐ Tiếp cận các ưu đãi về thuế
- ☐ Thu hút đầu tư hoặc có thể tiếp cận các quỹ đầu tư
- ☐ Điều kiện ưu đãi khi vay tín dụng
- ☐ Tăng các hợp đồng công việc với Nhà nước
- ☐ Giảm phí bảo hiểm
- ☐ Lợi ích khác (đề nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm)

6. Các lĩnh vực doanh nghiệp ưu tiên đầu tư thực hiện nhằm phát triển bền vững doanh nghiệp

6.1 Các lĩnh vực môi trường

(Cho điểm từ 1 đến 5, trong đó 1 là ưu tiên/đầu tư nhiều nhất và 5 là ưu tiên/đầu tư ít nhất)

Lĩnh vực ưu tiên đầu tư	1	2	3	4	5
Đầu tư áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tái sử dụng, tái chế chất thải, giảm phát thải ra môi trường	☐	☐	☐	☐	☐
Đầu tư vào hệ thống thu gom, xử lý các nguồn thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn, bụi, tiếng ồn) đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường và Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường	☐	☐	☐	☐	☐
Đầu tư sử dụng năng lượng tái tạo, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	☐	☐	☐	☐	☐
Đầu tư các công trình xanh – sạch – đẹp, cải thiện chất lượng môi trường trong và xung quanh doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐

Hỗ trợ cộng đồng cải thiện môi trường sống như xây, sửa cống rãnh tiêu thoát nước, nhà vệ sinh công trình nước sạch, trồng cây xanh, thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn...	☐	☐	☐	☐	☐
Đầu tư trồng và bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học	☐	☐	☐	☐	☐
Đầu tư thiết bị kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo...	☐	☐	☐	☐	☐
Đầu tư các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên, người lao động về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	☐	☐	☐	☐	☐

6.2 Các lĩnh vực xã hội

(Cho điểm từ 1 đến 5, trong đó 1 là ưu tiên/đầu tư nhiều nhất và 5 là ưu tiên/đầu tư ít nhất)

Lĩnh vực ưu tiên/đầu tư	1	2	3	4	5
Sức khỏe cộng đồng	☐	☐	☐	☐	☐
Giáo dục, đào tạo	☐	☐	☐	☐	☐
Bảo tồn và phát triển văn hóa	☐	☐	☐	☐	☐
Thể thao	☐	☐	☐	☐	☐
Hợp tác với các doanh nghiệp nhỏ	☐	☐	☐	☐	☐
Hợp tác và hỗ trợ trường đại học	☐	☐	☐	☐	☐
Hỗ trợ trường học	☐	☐	☐	☐	☐
Hỗ trợ các tổ chức xã hội	☐	☐	☐	☐	☐
Tham gia các chương trình tình nguyện	☐	☐	☐	☐	☐

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Có/Đang thực hiện	Có kế hoạch/Đang phát triển	Không có/Không thực hiện	Ghi chú
7	Các hoạt động xã hội đối với cộng đồng tại địa phương	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu tên và mô tả ngắn gọn một số hoạt động
8	Chính sách ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm

9	Chính sách ưu tiên tuyển dụng lao động khuyết tật	☐	☐	☐	Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
10	Quy trình tuyển dụng của doanh nghiệp	☐ Công khai		☐ Không công khai	Nếu công khai vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
11	Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp và khách hàng	☐	☐	☐	
12	Bảo mật thông tin của khách hàng tại doanh nghiệp	☐	☐	☐	
13	Đề ra và thực hiện tốt quy trình giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách hàng	☐		☐	Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm

14. Tỷ trọng (%) các loại nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp (nếu có)

Nguyên liệu tại địa phương (trong tỉnh)	Nguyên liệu trong nước (từ địa phương khác)	Nguyên liệu nhập khẩu

PHẦN 2: CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỪNG LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP

(Lưu ý: Tiêu chí nào không phù hợp với doanh nghiệp thì trả lời vào “Không áp dụng”)

A. KINH TẾ

I. SẢN XUẤT BỀN VỮNG

15. Đóng góp cho xã hội của doanh nghiệp trong 03 năm gần đây (VND)

Nội dung \ Năm	2014	2015	2016 (dự kiến)
Đóng góp xây dựng cộng đồng			
Đóng góp cho từ thiện			
Đóng góp khác (vui lòng ghi rõ loại đóng góp nếu có)			

16. Khả năng sinh lời trên mỗi đồng tài sản của công ty (ROA) 3 năm gần đây

2014	2015	2016 (dự kiến)

17. Khả năng sinh lời trên mỗi đồng vốn của công ty (ROE) 3 năm gần đây

2014	2015	2016 (dự kiến)

18. Các hoạt động của doanh nghiệp hướng tới sản xuất bền vững

- ☐ Thiết kế sản phẩm và dịch vụ ít gây ô nhiễm môi trường
- ☐ Các biện pháp tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tái tạo
- ☐ Quy định sử dụng tiết kiệm nước và thực hiện xử lý nước thải
- ☐ Xác định và đánh giá rủi ro
- ☐ Hệ thống quản lý môi trường
- ☐ Báo cáo đánh giá tác động môi trường
- ☐ Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong kinh doanh, chống hàng giả, hàng nhái
- ☐ Khả năng sinh lời trên mỗi đồng tài sản của công ty ROA
- ☐ Khả năng sinh lời trên mỗi đồng vốn của công ty ROE
- ☐ Khác (vui lòng nêu rõ)

(Nếu có tiêu chí nào vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm về tiêu chí đó)

19. Doanh nghiệp thực hiện các chương trình, biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng nguyên nhiên liệu tái chế, tránh xả thải ô nhiễm vào môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh

- ☐ Thực hiện PDCA
- ☐ Thực hiện
- ☐ Có chính sách
- ☐ Có kế hoạch
- ☐ Không thực hiện
- ☐ Không áp dụng

(Nếu thực hiện, có chính sách hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm)

20. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về sản xuất bền vững doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

II. TIÊU DÙNG BỀN VỮNG

21. Doanh nghiệp ưu tiên lồng ghép việc sử dụng các nguồn năng lượng, nguồn nước, nguyên liệu tự nhiên có thể tái tạo được

☐ Thực hiện

☐ Có kế hoạch

☐ Không thực hiện

☐ Không áp dụng

(Nếu thực hiện vui lòng trả lời câu hỏi dưới đây)

☐ Trong định hướng chiến lược của doanh nghiệp

☐ Trong đầu tư nghiên cứu và ứng dụng liên quan tới việc sử dụng các nguồn nguyên, nhiên liệu tự nhiên có thể tái tạo được

☐ Trong định hướng đổi mới công nghệ đối với việc sử dụng các nguồn nguyên, nhiên liệu tự nhiên có thể tái tạo được

☐ Khác (vui lòng nêu rõ trong tài liệu đính kèm)

22. Xây dựng quy trình nội bộ liên quan tới việc sử dụng các nguồn năng lượng, nguồn nước, nguyên liệu tự nhiên có thể tái tạo được

☐ Có xây dựng

☐ Có kế hoạch

☐ Không

☐ Không áp dụng

(Nếu có xây dựng hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm)

23. Thực hiện chương trình, hoạt động liên quan tới việc sử dụng các nguồn năng lượng, nguồn nước, nguyên liệu tự nhiên có thể tái tạo được

☐ Thực hiện PDCA

☐ Đang thực hiện

☐ Có chính sách

☐ Có kế hoạch

☐ Không thực hiện

☐ Không áp dụng

(Nếu thực hiện, có chính sách hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm)

24. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về tiêu dùng bền vững doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

III. ĐẢM BẢO SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG

25. Tổng số trường hợp doanh nghiệp được khen thưởng/bị phạt 03 năm gần đây

<i>Năm</i>	2014	2015	2016 (tính đến thời điểm này)
<i>Hình thức</i>			
Khen thưởng			
Phạt			

(Nếu có vui lòng cung cấp lý do và hình thức, mức độ khen thưởng, xử phạt trong tài liệu đính kèm)

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Thực hiện	Có kế hoạch	Không	Không áp dụng	Ghi chú
26	Thực hiện các biện pháp thông tin trực tiếp đến khách hàng nhằm hướng tới an toàn và minh bạch hơn trong mối quan hệ với khách hàng	Nhân hàng, bao bì	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
		Hướng dẫn sử dụng	☐	☐	☐	☐	
		Điều kiện bảo hành	☐	☐	☐	☐	
		Tờ rơi	☐	☐	☐	☐	
		Hội nghị khách hàng	☐	☐	☐	☐	
		Hình thức khác	☐	☐	☐	☐	Nếu hình thức khác đề nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm
27	Thực hiện các biện pháp thông tin trực tiếp đến người tiêu dùng nhằm hướng tới an toàn và minh bạch hơn trong mối quan hệ với người tiêu dùng	Nhân hàng, bao bì	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
		Hướng dẫn sử dụng	☐	☐	☐	☐	
		Điều kiện bảo hành	☐	☐	☐	☐	
		Tờ rơi	☐	☐	☐	☐	
		Hội nghị khách hàng	☐	☐	☐	☐	
		Hình thức khác	☐	☐	☐	☐	Nếu hình thức khác đề nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm
28	Thông báo cho khách hàng về những thay đổi trong các đặc tính của sản phẩm/dịch vụ	Thành phần	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
		Chất lượng	☐	☐	☐	☐	
		Tính năng	☐	☐	☐	☐	
		Trọng lượng	☐	☐	☐	☐	
		Giá cả	☐	☐	☐	☐	
		Hình thức khác	☐	☐	☐	☐	Nếu hình thức khác đề nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm
29	Thông báo cho người tiêu dùng về những thay đổi trong các đặc tính của sản phẩm/dịch vụ	Thành phần	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
		Chất lượng	☐	☐	☐	☐	
		Tính năng	☐	☐	☐	☐	
		Trọng lượng	☐	☐	☐	☐	
		Giá cả	☐	☐	☐	☐	
		Hình thức khác	☐	☐	☐	☐	Nếu hình thức khác đề nghị nêu rõ trong tài liệu đính kèm

30. Đào tạo cho các cán bộ/chuyên gia về đạo đức kinh doanh và tuân thủ quyền lợi của các đối tác trong chuỗi cung ứng

- ☐ Thực hiện ☐ Có kế hoạch ☐ Không thực hiện
(Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm)

31. Đào tạo cho các cán bộ/chuyên gia về đạo đức kinh doanh và tuân thủ quyền lợi của người tiêu dùng

- ☐ Thực hiện ☐ Có kế hoạch ☐ Không thực hiện
(Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm)

32. Duy trì sự hài lòng của khách hàng/người tiêu dùng qua các hình thức

- ☐ Khảo sát
☐ Phỏng vấn
☐ Nghiên cứu ý kiến, nhận xét của khách hàng/người tiêu dùng
☐ Giải quyết khiếu nại
☐ Phân tích tin tức
☐ Khác (vui lòng ghi rõ trong tài liệu đính kèm)
☐ Không thực hiện

33. Khiếu nại từ phía khách hàng/người tiêu dùng và thời gian giải quyết kể từ khi tiếp nhận

- ☐ Có khiếu nại ☐ Không có khiếu nại

(Nếu có vui lòng ghi rõ vào bảng bên dưới)

Thời gian Số khiếu nại	Không giải quyết	Dưới 1 tuần	1 tuần đến dưới 1 tháng	1 tháng đến dưới 3 tháng	Trên 3 tháng
	☐	☐	☐	☐	☐
	☐	☐	☐	☐	☐
	☐	☐	☐	☐	☐
	☐	☐	☐	☐	☐
	☐	☐	☐	☐	☐

34. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về đảm bảo sự hài lòng của khách hàng/người tiêu dùng mà doanh nghiệp đang triển khai

- ☐ Có ☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

B. MÔI TRƯỜNG

I. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

35. Tuân thủ luật pháp Việt Nam về bảo vệ môi trường

(Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm)

	<i>Đang thực hiện</i>	<i>Có kế hoạch</i>	<i>Không</i>	<i>Không áp dụng</i>
Doanh nghiệp có đầy đủ các loại giấy phép, giấy chứng nhận, phiếu xác nhận, Quyết định phê duyệt ... liên quan đến bảo vệ về môi trường theo quy định	☐	☐	☐	☐
Quan trắc môi trường, kiểm soát, giám sát chất lượng môi trường, xử lý ô nhiễm, phục hồi cải thiện môi trường, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	☐	☐	☐	☐
Kê khai và nộp đủ, kịp thời thuế tài nguyên và môi trường và phí bảo vệ môi trường (với đối tượng phải nộp thuế, phí)	☐	☐	☐	☐
Tuân thủ việc công bố, cung cấp thông tin môi trường, thống kê, báo cáo môi trường theo quy định.	☐	☐	☐	☐

36. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về tuân thủ luật pháp Việt Nam về bảo vệ môi trường doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến)

II. PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM, KHẮC PHỤC SỰ CỐ, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	<i>Thực hiện</i>	<i>Có kế hoạch</i>	<i>Không thực hiện</i>	<i>Không áp dụng</i>	Ghi chú
37	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên và người lao động	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng cụ thể về tên và số lượng các hoạt động, tổng số người tham gia
38	Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường và thực hiện các phương án bảo vệ môi trường	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng cụ thể về số lượng người, các hoạt động chính
39	Đầu tư trang thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp danh sách các trang thiết bị sử dụng để ứng phó với sự cố môi trường

40	Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp số vận hành trạm xử lý nước thải, phiếu kết quả quan trắc chất lượng nước sau xử lý
41	Hoạt động quản lý và kiểm soát, giảm thiểu, xử lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung, đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp phiếu kết quả kiểm soát, quan trắc các thông số môi trường khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung
42	Hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ, thu gom, phân loại, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải rắn	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp hợp đồng vận chuyển chất thải rắn và nêu tóm tắt kết quả các hoạt động và hiệu quả đem lại
43	Hoạt động ký quỹ khai thác và hoàn nguyên môi trường sau khai thác, sử dụng tài nguyên	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp hồ sơ ký quỹ, mô tả tóm tắt hoạt động hoàn nguyên môi trường
44	Tuân thủ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu và quá cảnh hàng hoá	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và điều kiện kho bãi lưu giữ

45. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về phòng ngừa ô nhiễm, khắc phục sự cố, cải thiện môi trường doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến)

III. TIẾT KIỆM TÀI NGUYÊN, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

46. Tiết kiệm tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu

(Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm)

	Đang thực hiện	Có kế hoạch	Không	Không áp dụng
Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn giảm chất thải.	☐	☐	☐	☐
Có giải pháp hạn chế sử dụng nhiên liệu hoá thạch, giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm điện năng.	☐	☐	☐	☐

Lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.	☐	☐	☐	☐
Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu. Quản lý phát thải khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, phát triển năng lượng tái tạo, thu hồi năng lượng từ chất thải.	☐	☐	☐	☐

47. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về tiết kiệm tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

IV. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG, BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thực hiện	Có kế hoạch	Không thực hiện	Không áp dụng	Ghi chú
48	Các hoạt động bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu tóm tắt các hoạt động và giải pháp bảo vệ rừng và giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên rừng
49	Hoạt động bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm trong danh mục quy định. Bảo tồn Gen và các loài bản địa, ngăn ngừa sinh vật ngoại lai xâm hại	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu tóm tắt các hoạt động bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, kết quả cụ thể

50. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ đa dạng sinh học doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

V. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN ĐẤT

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thực hiện	Có kế hoạch	Không thực hiện	Không áp dụng	Ghi chú
51	Sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích tài nguyên đất	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu tóm tắt kết quả sử dụng đất vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp

52	Quản lý chất lượng và kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm đất bởi hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, chất thải nguy hại	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu rõ nguồn ô nhiễm, mức độ ô nhiễm, phạm vi ảnh hưởng, giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu
53	Nguy cơ nhiễm phèn, nhiễm mặn, sỏi mòn, suy thoái tài nguyên đất	☐ Có		☐ Không	☐ Không áp dụng	Nếu có vui lòng nêu tóm tắt nguy cơ, phạm vi ảnh hưởng và giải pháp phòng ngừa và khắc phục

54. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về bảo vệ tài nguyên đất doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

VI. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thực hiện	Có kế hoạch	Không thực hiện	Không áp dụng	Ghi chú
55	Sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước mặt, nước ngầm	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu tóm tắt tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước mặt, nước ngầm và các giải pháp bảo vệ và sử dụng tiết kiệm
56	Thực trạng xả nước thải vào nguồn nước	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện tốt hoặc không tốt vui lòng nêu tóm tắt thực trạng xả nước thải vào nguồn nước, số lượng nước xả thải, nguy cơ tác động và các giải pháp bảo vệ

57. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về bảo vệ tài nguyên nước doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

VII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ, BỤI, TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

58. Quản lý chất lượng và kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung.

☐ Thực hiện

☐ Có kế hoạch

☐ Không thực hiện

☐ Không áp dụng

(Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu tóm tắt kết quả hoạt động của các hệ thống xử lý, đối chiếu với Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, kèm phiếu kết quả quan trắc 02 năm gần nhất)

59. Ngoài tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về bảo vệ môi trường không khí, bụi, tiếng ồn, độ rung doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

VIII. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

60. Bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản

☐ Thực hiện

☐ Có kế hoạch

☐ Không thực hiện

☐ Không áp dụng

(Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu tóm tắt hoạt động khai thác khoáng sản và các giải pháp bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản)

61. Đảm bảo thu hồi và hoàn nguyên môi trường sau khai thác khoáng sản

☐ Đảm bảo

☐ Không đảm bảo

☐ Không áp dụng

(Nếu đảm bảo vui lòng nêu các hoạt động, giải pháp thu hồi, hoàn nguyên sau khai thác khoáng sản)

62. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về bảo vệ tài nguyên khoáng sản doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

IX. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thực hiện	Có kế hoạch	Không thực hiện	Không áp dụng	Ghi chú
63	Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường biển và hải đảo	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường biển
64	Kiểm soát, thu gom, xử lý nguồn thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tác động tới môi trường biển	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu các hoạt động kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển, đảo
65	Bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học biển và ven bờ	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng nêu các hoạt động bảo vệ tài nguyên và môi trường và bảo vệ đa dạng sinh học biển và ven bờ

**66. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về bảo vệ tài nguyên môi trường
biên doanh nghiệp đang triển khai**

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

C. XÃ HỘI, LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Có/Thực hiện	Có kế hoạch/Đang phát triển	Không/Không thực hiện	Ghi chú
I. QUAN HỆ XÃ HỘI					
67	Các hoạt động/chương trình của doanh nghiệp tác động đến cộng đồng địa phương	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng miêu tả ngắn gọn hoạt động/chương trình tác động như thế nào trong tài liệu đính kèm
68	Thực hiện chương trình/sáng kiến kinh doanh cùng người nghèo, hỗ trợ phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng miêu tả ngắn gọn một số chương trình/sáng kiến tiêu biểu trong tài liệu đính kèm
69	Những hoạt động/sáng kiến khác đối với cộng đồng mà doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐	Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm
II. PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ ĐỘC QUYỀN KINH DOANH					
70	Chính sách phòng chống tham nhũng và hối lộ trong doanh nghiệp	☐	☐	☐	Nếu có hoặc đang phát triển vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm, nếu không có tiếp tục trả lời câu 72
71	Nếu có thì chính sách được phổ biến như thế nào				Vui lòng miêu tả cụ thể trong tài liệu đính kèm
72	Các hoạt động cụ thể doanh nghiệp tham gia phòng chống tham nhũng	☐	☐	☐	Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng miêu tả một số hoạt động trong tài liệu đính kèm
73	Số trường hợp tham nhũng và hối lộ bị phát hiện và xử lý năm vừa qua				Nếu có vui lòng ghi rõ

74	Các hoạt động/chương trình chống độc quyền mà doanh nghiệp tham gia	☐	☐	☐	Nếu thực hiện vui lòng nêu tên và miêu tả một số hoạt động/chương trình tiêu biểu trong tài liệu đính kèm
75	Những hoạt động/sáng kiến khác về phòng chống tham nhũng và độc quyền kinh doanh mà doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐	
III. SỬ DỤNG LAO ĐỘNG					
76	Cơ hội việc làm cho lao động nữ tại doanh nghiệp	☐	☐	☐	
77	Tỷ lệ lao động nữ tham gia lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp	☐	☐	☐	Nếu có doanh nghiệp vui lòng ghi rõ những vị trí lãnh đạo chủ chốt nào trong tài liệu đính kèm
78	Các nhân viên đều có hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật	☐		☐	
79	Chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật	☐		☐	
80	Tạo cơ hội cho sinh viên thực tập và tìm việc tại doanh nghiệp	☐	☐	☐	
81	Tạo cơ hội việc làm, hợp tác với lao động về hưu nhưng còn sức khỏe, trí tuệ và giàu kinh nghiệm	☐	☐	☐	
82	Áp dụng thời gian thử việc theo đúng quy định của pháp luật	☐		☐	
83	Thu tiền đặt cọc/ký quỹ hoặc giữ bản gốc hồ sơ cá nhân khi tuyển dụng	☐		☐	
84	Thực hiện các quy định đối với phụ nữ về chế độ thai sản và nuôi con nhỏ	☐		☐	
85	Thực hiện các quy định về trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm cho người lao động	☐	☐	☐	

86	Thực hiện chống phân biệt đối xử (giới tính, dân tộc, lao động ngoại tỉnh...) tại doanh nghiệp	☐	☐	☐	
87	Những hoạt động/sáng kiến tốt nào khác về sử dụng lao động doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐	Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm

IV. ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

88. Có các kế hoạch đào tạo hàng năm dựa trên nhu cầu thực tế

☐ Có ☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp bản sao của kế hoạch 03 năm gần nhất trong tài liệu đính kèm, Nếu không trả lời tiếp câu số 91)

89. Chi phí đào tạo người lao động những năm gần đây (VND)

2014	2015	2016 (dự kiến)

90. Thực hiện đào tạo hàng năm đối với người lao động (số giờ/người lao động)

Năm	2014	2015	2016 (dự kiến)
Số giờ đào tạo/người lao động			

91. Chương trình đào tạo dành cho các nhà cung ứng

☐ Thực hiện ☐ Có kế hoạch ☐ Không ☐ Không áp dụng

(Nếu thực hiện vui lòng cung cấp bản sao của kế hoạch đào tạo)

92. Chương trình đào tạo dành cho cộng đồng

☐ Thực hiện ☐ Có kế hoạch ☐ Không ☐ Không áp dụng

(Nếu thực hiện vui lòng cung cấp bản sao của kế hoạch đào tạo trong tài liệu đính kèm)

93. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về đào tạo người lao động doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có ☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Có/Thực hiện	Có kế hoạch	Không/ Không thực hiện	Không áp dụng	Ghi chú
V. NỘI QUY LAO ĐỘNG						
94	Nội quy lao động có đầy đủ các nội dung theo quy định pháp luật	☐		☐		Nếu có vui lòng gửi kèm bản sao trong tài liệu đính kèm

95	Các nội dung chính của nội quy lao động được niêm yết công khai	☐	☐	☐		Nếu thực hiện vui lòng cho biết các hình thức cụ thể nào trong tài liệu đính kèm
96	Xử lý kỷ luật lao động theo đúng trình tự, thủ tục	☐		☐		Nếu thực hiện vui lòng mô tả quy trình cụ thể trong tài liệu đính kèm
97	Bồi thường thiệt hại do vi phạm nội quy lao động	☐	☐	☐		Nếu thực hiện vui lòng cung cấp hồ sơ trong tài liệu đính kèm
98	Những hoạt động/sáng kiến nào khác về thực hiện nội quy lao động doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐		Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm
VI. THỜI GIỜ LÀM VIỆC VÀ NGHỈ NGƠI						
99	Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định của pháp luật (nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ phép...)	☐ Thực hiện tốt	☐ Thực hiện một phần	☐ Không thực hiện		
100	Thỏa thuận khi huy động người lao động làm việc thêm giờ vào các ngày Tết, ngày lễ	☐ Thực hiện tốt	☐ Thực hiện một phần	☐ Không thực hiện		
101	Ghi chép đầy đủ vào bảng chấm công tại doanh nghiệp	☐	☐	☐		Nếu thực hiện vui lòng cung cấp bản sao bảng chấm công trong tài liệu đính kèm
102	Những hoạt động/sáng kiến nào khác về tuân thủ thời giờ làm việc và nghỉ ngơi doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐		Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm

VII. CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG VÀ TRỢ CẤP						
103	Trả lương theo cơ chế thỏa thuận	☐	☐	☐	☐	
104	Xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương tại doanh nghiệp	☐	☐	☐		<i>Nếu thực hiện vui lòng cung cấp bản sao hệ thống thang lương, bảng lương trong tài liệu đính kèm</i>
105	Xây dựng định mức lao động tại doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐	<i>Nếu thực hiện vui lòng cung cấp bản sao về định mức lao động trong tài liệu đính kèm</i>
106	Thực hiện việc chi trả lương làm thêm giờ, làm việc vào các ngày nghỉ tại doanh nghiệp	☐	☐	☐		<i>Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm</i>
107	Cơ chế thưởng, phụ cấp và trợ cấp khuyến khích người lao động	☐		☐		<i>Nếu có vui lòng cung cấp bản sao quy chế trong tài liệu đính kèm</i>
108	Trả lương đúng và đủ	☐ Thực hiện tốt		☐ Không thực hiện		
109	Những hoạt động/sáng kiến nào khác liên quan tới chế độ lương, thưởng và trợ cấp doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐		<i>Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm</i>

VIII. CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

110. Tỷ lệ % lao động có hợp đồng từ 3 tháng trở lên được tham gia Bảo hiểm xã hội

2013	2014	2015

111. Tuân thủ mức chi trả cho người lao động làm căn cứ đóng Bảo hiểm xã hội

☐ Thực hiện tốt ☐ Không thực hiện

112. Tỷ lệ % lao động có hợp đồng từ 12 tháng trở lên được tham gia Bảo hiểm thất nghiệp

2013	2014	2015

113. Ngoài các tiêu chí nêu trên, có những hoạt động/sáng kiến nào khác về việc thực hiện các chế độ bảo hiểm doanh nghiệp đang triển khai

☐ Có

☐ Không

(Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm)

STT tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Có/Thực hiện	Có kế hoạch	Không/Không thực hiện	Không áp dụng	Ghi chú
IX. AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG						
114	Cán bộ làm công tác an toàn lao động chuyên trách tại doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐	Nếu có vui lòng cung cấp danh sách trong tài liệu đính kèm
115	Thực hiện bảo hộ lao động đầy đủ nội dung theo quy định	☐	☐	☐	☐	
116	Thực hiện đo kiểm tra, đánh giá môi trường làm việc định kỳ	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
117	Toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động được huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
118	Quy trình hướng dẫn an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc	☐	☐	☐	☐	Nếu có vui lòng cung cấp bản sao quy trình trong tài liệu đính kèm
119	Nơi làm việc, nhà kho, bến bãi, máy móc thiết bị đạt tiêu chuẩn và được kiểm tra định kỳ	☐	☐	☐	☐	
120	Thực hiện cơ chế khuyến khích người lao động có sáng kiến cải thiện điều kiện làm việc	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện vui lòng cung cấp bản sao cơ chế trong tài liệu đính kèm

121	Các biện pháp phòng chống cháy nổ, thoát hiểm	☐	☐	☐	☐	Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
122	Lập các báo cáo, thống kê tai nạn lao động theo quy định	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện vui lòng cung cấp bản sao các báo cáo, thống kê trong tài liệu đính kèm
123	Những hoạt động/sáng kiến nào khác về thực hiện an toàn vệ sinh lao động doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐		Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm
X. CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG						
124	Tuân thủ nghiêm các quy định về khám tuyển, khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật	☐		☐		Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
125	Thực hiện các chương trình phòng chống bệnh nghề nghiệp	☐	☐	☐		Nếu thực hiện vui lòng cung cấp bản sao chương trình này trong tài liệu đính kèm
126	Thực hiện khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ	☐	☐	☐		Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
127	Thực hiện khám sức khỏe ít nhất 6 tháng/lần đối với lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại	☐	☐	☐	☐	Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
128	Thực hiện huấn luyện sơ cứu cho người lao động	☐	☐	☐		Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm

129	Doanh nghiệp có bộ phận y tế với đầy đủ trang bị cơ bản	☐	☐	☐		<i>Nếu có hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm</i>
130	Thực phẩm đầu vào, bếp ăn, nhà ăn, nước uống được kiểm tra thường xuyên	☐	☐	☐	☐	<i>Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm</i>
131	Có hệ thống nhà vệ sinh riêng biệt đảm bảo tiêu chuẩn, sạch sẽ	☐	☐	☐		
132	Thường xuyên cung cấp nước uống đầy đủ và đảm bảo	☐	☐	☐		
133	Có ký túc xá cho người lao động	☐	☐	☐	☐	
134	Người lao động được hỗ trợ tiền thuê nhà trọ	☐	☐	☐	☐	<i>Nếu có hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm</i>
135	Người lao động được hỗ trợ tiền/phương tiện đi lại làm việc	☐	☐	☐		<i>Nếu có hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm</i>
136	Người lao động được hưởng chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm	☐	☐	☐		
137	Tổ chức các hoạt động văn hóa – văn nghệ và thể thao cho người lao động	☐	☐	☐		
138	Quan tâm của doanh nghiệp bảo vệ quyền trẻ em	☐		☐		<i>Nếu có vui lòng cung cấp bản sao quy định trong tài liệu đính kèm</i>

139	Những hoạt động/sáng kiến nào khác về chăm sóc sức khỏe và phúc lợi cho người lao động doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐		Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm
XI. DÂN CHỦ TẠI NƠI LÀM VIỆC VÀ THOẠI ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ						
140	Có tổ chức công đoàn được thành lập theo đúng quy định	☐	☐	☐		Nếu không có vui lòng trả lời tiếp từ câu 143
141	Tỷ lệ (%) người lao động tham gia công đoàn tại doanh nghiệp					Nếu có công đoàn
142	Vai trò của công đoàn tại doanh nghiệp					Nếu có công đoàn và mô tả cụ thể trong tài liệu đính kèm
143	Nội dung và quá trình lập thỏa ước lao động tập thể được lập theo đúng quy định của pháp luật	☐	☐	☐		Nếu không có vui lòng trả lời tiếp câu 145
144	Điều khoản trong thỏa ước lao động cao hơn so với quy định của pháp luật	☐		☐		Nếu có vui lòng cung cấp bản sao thỏa ước lao động tập thể
145	Quy chế dân chủ cơ sở được xây dựng và thực hiện tại doanh nghiệp	☐	☐	☐		Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm, nếu không thực hiện vui lòng trả lời tiếp câu 147
146	Doanh nghiệp thực hiện đối thoại định kỳ 3 tháng/lần	☐	☐	☐		Nếu thực hiện hoặc có kế hoạch vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm

147	Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế trao đổi thông tin, tham vấn, phản hồi, tư vấn... tại doanh nghiệp	☐	☐	☐		Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
148	Khiếu kiện, khiếu nại và ý kiến của người lao động cũng như cộng đồng được xử lý thỏa đáng	☐		☐		Nếu thực hiện vui lòng cung cấp dẫn chứng trong tài liệu đính kèm
149	Tôn trọng quyền của người lao động trong giải quyết tranh chấp	☐		☐		
150	Chấp hành nghiêm chỉnh thỏa thuận đã đạt được trong giải quyết tranh chấp lao động	☐		☐		
151	Những hoạt động/sáng kiến nào khác về thực quy chế dân chủ doanh nghiệp đang triển khai	☐		☐		Nếu có vui lòng cung cấp dẫn chứng hay miêu tả ngắn gọn một số hoạt động/sáng kiến trong tài liệu đính kèm

DANH SÁCH CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU GỬI KÈM

(Nếu Có vui lòng đánh dấu vào ô **Có gửi kèm** bên dưới và ghi rõ tên nội dung các thông tin, tài liệu)

STT	Có gửi kèm	Tiêu chí liên quan tới thông tin, tài liệu gửi kèm tại Bộ chỉ số CSI	Nội dung thông tin, tài liệu gửi kèm	Ghi chú
1	☐	1. Lập Báo cáo bền vững hàng năm tại doanh nghiệp		
2	☐	1.3 Nếu có Báo cáo bền vững có được doanh nghiệp công bố, phổ biến rộng rãi không		
3	☐	2.1 Doanh nghiệp có chiến lược phát triển		
4	☐	7. Các hoạt động xã hội đối với cộng đồng tại địa phương		
5	☐	8. Chính sách ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương		
6	☐	9. Chính sách ưu tiên tuyển dụng lao động khuyết tật		
7	☐	10. Quy trình tuyển dụng của doanh nghiệp		
8	☐	11. Đề ra và thực hiện tốt quy trình giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách hàng		
9	☐	18. Các hoạt động của doanh nghiệp hướng tới sản xuất bền vững		
10	☐	19. Doanh nghiệp thực hiện các chương trình, biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng nguyên nhiên liệu tái chế, tránh xả thải ô nhiễm vào môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh		
11	☐	22. Xây dựng quy trình nội bộ liên quan tới việc sử dụng các nguồn năng lượng, nguồn nước, nguyên liệu tự nhiên có thể tái tạo được		
12	☐	23. Thực hiện chương trình, hoạt động liên quan tới việc sử dụng các nguồn năng lượng, nguồn nước, nguyên liệu tự nhiên có thể tái tạo được		
13	☐	25. Tổng số trường hợp doanh nghiệp được khen thưởng/bị phạt 03 năm gần đây		
14	☐	26. Thực hiện các biện pháp thông tin trực tiếp đến khách hàng nhằm hướng tới an toàn và minh bạch hơn trong mối quan hệ với khách hàng		

15	☐	27. Thực hiện các biện pháp thông tin trực tiếp đến người tiêu dùng nhằm hướng tới an toàn và minh bạch hơn trong mối quan hệ với người tiêu dùng		
16	☐	28. Thông báo cho khách hàng về những thay đổi trong các đặc tính của sản phẩm/dịch vụ		
17	☐	29. Thông báo cho người tiêu dùng về những thay đổi trong các đặc tính của sản phẩm/dịch vụ		
18	☐	30. Đào tạo cho các cán bộ/chuyên gia về đạo đức kinh doanh và tuân thủ quyền lợi của các đối tác trong chuỗi cung ứng		
19	☐	31. Đào tạo cho các cán bộ/chuyên gia về đạo đức kinh doanh và tuân thủ quyền lợi của người tiêu dùng		
20	☐	35. Tuân thủ luật pháp Việt Nam về bảo vệ môi trường		
21	☐	37. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên và người lao động		
22	☐	38. Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường và thực hiện các phương án bảo vệ môi trường		
23	☐	39. Đầu tư trang thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường		
24	☐	40. Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường		
25	☐	41. Hoạt động quản lý và kiểm soát, giảm thiểu, xử lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung, đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường		
26	☐	42. Hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ, thu gom, phân loại, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải rắn		
27	☐	43. Hoạt động ký quỹ khai thác và hoàn nguyên môi trường sau khai thác, sử dụng tài nguyên		
28	☐	44. Tuân thủ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu và quá cảnh hàng hoá		

29	☐	46. Tiết kiệm tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu		
30	☐	48. Các hoạt động bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng		
31	☐	49. Hoạt động bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm trong danh mục quy định. Bảo tồn Gen và các loài bản địa, ngăn ngừa sinh vật ngoại lai xâm hại		
32	☐	51. Sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích tài nguyên đất		
33	☐	52. Quản lý chất lượng và kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm đất bởi hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, chất thải nguy hại		
34	☐	53. Nguy cơ nhiễm phèn, nhiễm mặn, sỏi mòn, suy thoái tài nguyên đất		
35	☐	55. Sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước mặt, nước ngầm		
36	☐	56. Thực trạng xả nước thải vào nguồn nước		
37	☐	58. Quản lý chất lượng và kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung		
38	☐	60. Bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản		
39	☐	61. Đảm bảo thu hồi và hoàn nguyên môi trường sau khai thác khoáng sản		
40	☐	63. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường biển và hải đảo		
41	☐	64. Kiểm soát, thu gom, xử lý nguồn thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tác động tới môi trường biển		
42	☐	65. Bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học biển và ven bờ		

43	☐	67. Các hoạt động/chương trình của doanh nghiệp tác động đến cộng đồng địa phương		
44	☐	68. Thực hiện chương trình/sáng kiến kinh doanh cùng người nghèo, hỗ trợ phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa		
45	☐	70. Chính sách phòng chống tham nhũng và hối lộ trong doanh nghiệp		
46	☐	71. Nếu có thì chính sách được phổ biến như thế nào		
47	☐	72. Các hoạt động cụ thể doanh nghiệp tham gia phòng chống tham nhũng		
48	☐	73. Số trường hợp tham nhũng và hối lộ bị phát hiện và xử lý năm vừa qua		
49	☐	74. Các hoạt động/chương trình chống độc quyền mà doanh nghiệp tham gia		
50	☐	77. Tỷ lệ lao động nữ tham gia lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp		
51	☐	88. Có các kế hoạch đào tạo hàng năm dựa trên nhu cầu thực tế		
52	☐	91. Chương trình đào tạo dành cho các nhà cung ứng		
53	☐	92. Chương trình đào tạo dành cho cộng đồng		
54	☐	94. Nội quy lao động có đầy đủ các nội dung theo quy định pháp luật		
55	☐	95. Các nội dung chính của nội quy lao động được niêm yết công khai		
56	☐	96. Xử lý kỷ luật lao động theo đúng trình tự, thủ tục		
57	☐	97. Bồi thường thiệt hại do vi phạm nội quy lao động		

58	☐	101. Ghi chép đầy đủ vào bảng chấm công tại doanh nghiệp		
59	☐	104. Xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương tại doanh nghiệp		
60	☐	105. Xây dựng định mức lao động tại doanh nghiệp		
61	☐	106. Thực hiện việc chi trả lương làm thêm giờ, làm việc vào các ngày nghỉ tại doanh nghiệp		
62	☐	107. Cơ chế thưởng, phụ cấp và trợ cấp khuyến khích người lao động		
63	☐	114. Cán bộ làm công tác an toàn lao động chuyên trách tại doanh nghiệp		
64	☐	116. Thực hiện đo kiểm tra, đánh giá môi trường làm việc định kỳ		
65	☐	117. Toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động được huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động		
66	☐	118. Quy trình hướng dẫn an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc		
67	☐	119. Nơi làm việc, nhà kho, bến bãi, máy móc thiết bị đạt tiêu chuẩn và được kiểm tra định kỳ		
68	☐	120. Thực hiện cơ chế khuyến khích người lao động có sáng kiến cải thiện điều kiện làm việc		
69	☐	121. Các biện pháp phòng chống cháy nổ, thoát hiểm		
70	☐	122. Lập các báo cáo, thống kê tai nạn lao động theo quy định		
71	☐	124. Tuân thủ nghiêm các quy định về khám tuyển, khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật		
72	☐	125. Thực hiện các chương trình phòng chống bệnh nghề nghiệp		

73	☐	126. Thực hiện khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ		
74	☐	127. Thực hiện khám sức khỏe ít nhất 6 tháng/lần đối với lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại		
75	☐	128. Thực hiện huấn luyện sơ cứu cho người lao động		
76	☐	129. Doanh nghiệp có bộ phận y tế với đầy đủ trang bị cơ bản		
77	☐	130. Thực phẩm đầu vào, bếp ăn, nhà ăn, nước uống được kiểm tra thường xuyên		
78	☐	134. Người lao động được hỗ trợ tiền thuê nhà trọ		
79	☐	135. Người lao động được hỗ trợ tiền/phương tiện đi lại làm việc		
80	☐	138. Quan tâm của doanh nghiệp bảo vệ quyền trẻ em		
81	☐	142. Vai trò của công đoàn tại doanh nghiệp		
82	☐	144. Điều khoản trong thỏa ước lao động cao hơn so với quy định của pháp luật		
83	☐	145. Quy chế dân chủ cơ sở được xây dựng và thực hiện tại doanh nghiệp		
84	☐	146. Doanh nghiệp thực hiện đối thoại định kỳ 3 tháng/lần		
85	☐	147. Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế trao đổi thông tin, tham vấn, phản hồi, tư vấn... tại doanh nghiệp		
86	☐	148. Khiếu kiện, khiếu nại và ý kiến của người lao động cũng như cộng đồng được xử lý thỏa đáng		
87				
88				